TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2024/DS-PT

Ngày: 30-01-2024

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thơ**

Các Thẩm phán: 1/ Bà **Lưu Thị Thu Thủy**

2/ Ông **Huỳnh Văn Ngoan**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Phan Thị Thanh Xuân- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 534/2023/TLPT-DS ngày 13/12/2023 về việc tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1041/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện của nguyên đơn: Anh Võ Trọng K, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: đường P, phường C, M, Tiền Giang (Theo Giấy ủy quyền ngày 28/01/2021).

2. Bị đơn: Anh Trần Mai T1, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T có người đại diện theo ủy quyền là anh Võ Trọng K trình bày:

Ngày 27/12/2018, anh T có cho anh T1 vay số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng vay tiền có số công chứng 7264, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C. Số tiền này, anh T cho anh T1 vay nhiều lần trước khi ký hợp đồng trên, nên sau khi anh T1 ký tên vào hợp đồng anh T không có giao tiền cho anh T1 vì số tiền ghi trong hợp đồng có số công chứng 7264 là anh T1 tất toán nợ vay với anh T để làm tin nên các bên không viết biên nhận giao nhận tiền và anh T là tài xế xe trình độ văn hóa thấp, cả hai là anh em rễ bà con với nhau nên tin tưởng không có làm biên nhận giao nhận tiền theo thỏa thuận. Về lãi suất cho vay trong hợp đồng có ghi do các bên thỏa thuận là mức là 1%/tháng. Nhưng anh T1 nợ nhiều người nên chưa đóng khoản tiền lãi nào cho anh T và khi khoản vay đến hạn anh T1 không thực hiện trả tiền cho anh T. Vì vậy anh T yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền vốn 200.000.000 đồng. Về tiền lãi vay và tiền lãi đối với số tiền chậm trả anh T không yêu cầu.

Anh Trần Mai T1 từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đương sự không gửi văn bản nêu ý kiến của mình và vắng mặt không rõ lý do.

Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M áp dụng các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273; khoản 1 Điều 143, 147 và 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 28/02/2022, nguyên đơn anh Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh.

*.Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm: Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp trong hạn luật định nên được hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Mai T1 vắng mặt không lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nên tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo qui định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung kháng cáo xét thấy:

Ngày 27/12/2018, anh T1 có ký hợp đồng vay tiền của anh T với số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 1%/ tháng, thời hạn vay 02 năm. Hợp đồng vay tiền có số công chứng 7264, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C. Số tiền này, anh T khai là cho anh T1 vay nhiều lần trước khi ký hợp đồng trên, nên sau khi anh T1 ký tên vào hợp đồng anh T không có giao tiền cho anh T1. Từ khi vay đến nay anh T1 không trả vốn và lãi. Nay anh T yêu cầu anh T1 có nghĩa vụ trả cho anh số tiền vốn 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo nội dung Điều 1 của Hợp đồng vay tiền ngày 27/12/2018 thể hiện: "*Việc giao nhận số tiền được thực hiện, ngay sau khi hai bên ký vào hợp đồng này và do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật, khi giao, nhận tiền phải viết biên nhận đầy đủ*". Anh T cho rằng, anh T1 đã nhận số tiền trước đó nên sau khi ký hợp đồng vay tiền thì hai bên không có giao nhận tiền nữa nên không thể viết giấy biên nhận được. Đại diện ủy quyền của anh T cũng thừa nhận ngoài hợp đồng vay tiền ký kết ngày 27/12/2018 thì các bên không viết giấy biên nhận nào khác. Cấp sơ thẩm cũng đã yêu cầu nguyên đơn cung cấp chứng cứ là bản chính của giấy biên nhận giao tiền như qui định tại Điều 1 của Hợp đồng, nhưng nguyên đơn không cung cấp được nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Anh T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu của mình nên yêu cầu kháng cáo của anh không có căn cứ chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử có xem xét khi nghị án.

[4]. Án phí: Do yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Đức T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng các khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273; khoản 1 Điều 143, 147 và 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T.

2/Về án phí:

Anh Nguyễn Đức T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 10.000.000 (Mười triệu) đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 5.000.000 (Năm triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0004902 ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, như vậy anh T còn phải nộp 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT. Anh đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004868 ngày 03/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, xem như đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

3/Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND TP M;
- CCTHADS TP M;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Thơ